TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-PT
Ngày 04 tháng 01 năm 2018
Về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ***Ông Nguyễn Kim Tư***

Các Thẩm phán: ***Ông Phạm Văn Ngọt***
Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Duyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Trần Thị Thuý Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 285/2017/TLPT-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 296/2017/QĐPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1948.
Địa chỉ: ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Dương Văn S, sinh năm 1967.
Địa chỉ: ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị B, sinh năm 1968.
2. Anh Dương Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị B là ông Dương Văn S, sinh năm 1967, địa chỉ ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (theo văn bản uỷ quyền ngày 27/12/2016).

Anh Dương Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Uỷ ban nhân dân huyện G.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Bé S– Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện G.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn Bé S: Ông Đặng Huy T – Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G (theo văn bản uỷ quyền ngày 01/3/2017).

Ông Đặng Huy T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Dương Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/12/2016 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ trình bày:

Bà Lê Thị Ngọc Đ được Uỷ ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhân quyền sử dụng đất thửa 38, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.210m^2 toạ lạc tại ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc đất do cha mẹ bà Đ để lại, đất của bà giáp ranh với đất của hộ ông Dương Văn S thuộc thửa 36 tờ bản đồ số 8, diện tích 1.825,8m^2 toạ lạc tại ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình sử dụng đất, bà có tiến hành rào phần đất là đường đi giáp với đất của ông S thì ông S ngăn cản không cho bà Đ rào đất. Phần đất này hiện ông S đang sử dụng một phần để làm đường đi. Nay bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông S cùng bà Trần Thị B, anh Dương Văn T trả lại phần đất đo đạc thực tế có diện tích 54,6m^2 thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 8, diện tích 210m^2 toạ lạc tại ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Theo đơn phản tố ngày 13/02/2017 và quá trình xét xử bị đơn ông Dương Văn S trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu của bà Đ, phần đất có diện tích 54,6m^2 bà Đ yêu cầu ông trả trong đó có khoảng 24,6m^2 là đất của ông, ông có yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận phần đất này cho ông và đồng thời yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 24,6m^2 trong tổng diện tích 1.210m^2 thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 8 mà Uỷ ban nhân dân huyện Giồng Trôm đã cấp cho bà Đ. Nếu Toà án chấp nhận yêu cầu phản tố thì ông S không có yêu cầu bồi thường tài sản trên đất.

Ông cũng không có yêu cầu đo đạc lại phần đất có diện tích 24,6m^2 và khi tiến hành đo đạc ngày 28/3/2017, ông cũng không đồng ý ký tên vào bảng mô tả ranh giới, mốc thửa đất.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 đã tuyên như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị Ngọc Đ về việc yêu cầu ông Dương Văn S và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Đ một phần đất có diện tích 54,6m^2 thuộc một phần thửa 38 (thửa tạm là 1/38), tờ bản đồ số 8 toạ lạc tại ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Dương Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B, anh Dương Văn T phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời 02 trụ rào bê tông cốt thép loại 0,12m x 1m để trả lại cho bà Lê Thị Ngọc Đ phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 54,6m^2 thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 8, bắc giáp thửa 32, tờ bản đồ số 8, tây giáp thửa 33 và 36, tờ bản đồ số 8.

Bà Lê Thị Ngọc Đ được quyền quản lý, sử dụng 01 cây mù u đường kính 20cm đến dưới 40cm.

2/ Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Dương Văn S về việc yêu cầu công nhận phần đất có diện tích khoản 24,6m^2 thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 8 và yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lê Thị Ngọc Đ đối với diện tích đất nêu trên.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc Đ được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0004796 ngày 11/11/2015 và số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0017002 ngày 19/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Ông Dương Văn S phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền là 200.000 đồng. Tịch thu sung quỹ số tiền 200.000 đồng mà ông Dương Văn S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017160 ngày 15/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

4/ Chi phí đo đạc, định giá, cấp trích lục hồ sơ cấp đất tổng cộng là 1.329.000 đồng, ông S có nghĩa vụ chịu và có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Ngọc Đ số tiền 1.329.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/8/2017, ông Dương Văn S có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc bà Lê Thị Ngọc Đ trả lại cho ông phần đất có diện tích 24,6m^2 thuộc thửa 33, 36 tờ bản đồ số 08 và huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Ngọc Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Dương Văn S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Ngọc Đ không đồng ý kháng cáo của các bị đơn. Đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện G.

Quan điểm Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn S; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 của Toà án nhân dân huyện G.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa. Xét kháng cáo của ông Dương Văn S; ý kiến của đại diện Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất đang tranh chấp có diện tích 54,6m^2 thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 08 có tổng diện tích 1.210m^2 toạ lạc tại ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do bà Lê Thị Ngọc Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Quá trình sử dụng đất bà Đ được Uỷ ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/3/2004, thửa 1592, tờ bản đồ 01, diện tích 1.675m^2. Giấy chứng nhân quyền sử dụng đất được đổi theo đo đạc toạ độ và được cấp lại ngày 31/7/2009 thửa mới số 38, tờ bản đồ số 08 với tổng diện tích 1.210m^2. Căn cứ vào hồ sơ thể hiện vào năm 2009, ông S thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lê Văn M và được Uỷ ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/4/2009, thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 08. Từ năm 2009 đến nay, ông S không có khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ.

[3] Căn cứ vào hồ sơ thể hiện, tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 07/6/2016 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G thể hiện phần đất đang tranh chấp (do ông S chỉ ranh) đo đạc thực tế có diện tích 54,6m^2 nằm hoàn toàn trong thửa đất số 38, tờ bản đồ số do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu lấy phần diện tích còn lại của thửa 38 là 1.124,1m^2 cộng thêm diện tích đang tranh chấp thì diện tích thửa đất của bà Đ vẫn còn thiếu 31,3m^2 so với tổng diện tích 1.210m^2 mà bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Đối với kháng cáo của ông S yêu cầu công nhận phần đất diện tích 24,6m thuộc thửa 33, 36 tờ bản đồ số 08 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông và yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp cho bà Đ đối với thửa 38, tờ bản đồ 08 với tổng diện tích 1.210m^2. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại giai đoạn sơ thẩm ông đã có đơn yêu cầu phản tố với nội dung trên, Toà án nhân dân huyện G đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng ông vắng mặt không có lý do chính đáng. Toà án nhân dân huyện G đình chỉ yêu cầu phản tố của ông S là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của ông S không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Dương Văn S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G.

Áp dụng Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; Điều 203 Luật đất đai; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị Ngọc Đ về việc yêu cầu ông Dương Văn S và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Đ một phần đất có diện tích 54,6m^2 thuộc một phần thửa 38 (thửa tạm là 1/38), tờ bản đồ số 8 toạ lạc tại ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Dương Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B, anh Dương Văn T phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời 02 trụ rào bê tông cốt thép loại 0,12m x 1m để trả lại cho bà Lê Thị Ngọc Đ phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 54,6m^2 thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 8, bắc giáp thửa 32, tờ bản đồ số 8, tây giáp thửa 33 và 36, tờ bản đồ số 8.

Bà Lê Thị Ngọc Đ được quyền quản lý, sử dụng 01 cây mù u đường kính 20cm đến dưới 40cm.

2/ Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Dương Văn S về việc yêu cầu công nhận phần đất có diện tích khoản 24,6m^2 thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 8 và yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lê Thị Ngọc Đ đối với diện tích đất nêu trên.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc Đ được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0004796 ngày 11/11/2015 và số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0017002 ngày 19/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Ông Dương Văn S phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền là 200.000 đồng.

Sung quỹ số tiền 300.000 đồng mà ông Dương Văn S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017160 ngày 15/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

4/ Chi phí đo đạc, định giá, cấp trích lục hồ sơ cấp đất tổng cộng là 1.329.000 đồng, ông Sơn có nghĩa vụ chịu và có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Ngọc Đ số tiền 1.329.000 đồng.

5/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011976 ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Kim Tư